

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2023

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Chinh

Bà Hoàng Thị Phương Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhật Hạ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số A T, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/11/2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1983;

Trú tại: Thị trấn S, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bị đơn: TSAI, CHIA HSIN, sinh năm 1979 (Năm Dân quốc thứ 68);

Trú tại: Số D Hồ V, K, phường H, thị trấn B, huyện G, Lãnh thổ Đài Loan.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác thì chị Đoàn Thị N trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị N và anh T, Chia H quen biết nhau trong suốt thời gian chị N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Hai bên tìm hiểu nhau được 06 tháng thì quyết định kết hôn được Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/02/2008, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh T, Chia H ở lại Việt Nam khoảng 01 tuần rồi trở về Đài Loan cho đến nay chưa quay lại Việt Nam. Trong khoảng 01 tháng đầu, anh T, Chia H có liên lạc với chị N, sau đó không liên lạc gì với chị N nữa. Do hoàn cảnh

mỗi người sống một nơi, không có điều kiện quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị N xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh T, Chia H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành Ủy thác tư pháp ra nước ngoài để tổng đạt văn bản tố tụng cho anh T, Chia H và đã tổng đạt hợp lệ nhưng tại phiên họp và phiên tòa hôm nay anh T, Chia Hsin vắng mặt và không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến như sau:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, không có vi phạm gì cần kiến nghị để khắc phục.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cho chị Đoàn Thị N được ly hôn với anh T, Chia H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị Đoàn Thị N có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh T, Chia H, cư trú tại Đài Loan nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp ra nước ngoài để tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T, Chia H nhưng đến nay Tòa án không nhận được ý kiến phản hồi của anh đối với yêu cầu ly hôn của chị N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vắng mặt anh T, Chia H là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đoàn Thị N và anh T, Chia Hsin kết hôn hợp pháp được Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/02/2008. Sau khi kết hôn, khoảng 01 tháng đầu anh T, Chia H còn liên lạc hỏi thăm chị N nhưng sau đó anh T, Chia H không còn liên lạc với chị N nữa và đến nay chưa về lại Việt Nam. Do hoàn

cảnh mỗi người sống một nơi, không có điều kiện quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, C để ổn định cuộc sống. Xét thấy, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp ra nước ngoài để tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng đến nay Tòa án vẫn không nhận được ý kiến trả lời của anh T, Chia H về yêu cầu ly hôn với chị N. Việc anh T, Chia H không cung cấp lời khai được xem anh T, Chia H từ chối việc khai báo trước Tòa. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T, Chia H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Đoàn Thị N xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Trường hợp sau này anh T, Chia H có tài liệu, chứng cứ có liên quan đến tài sản chung và nợ chung thì anh có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị N phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 5 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123; Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đoàn Thị N được ly hôn với anh T, Chia H.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Đoàn Thị N xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Trường hợp sau này anh T, Chia H có tài liệu, chứng cứ có liên quan đến tài sản chung và nợ chung thì anh có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị N phải chịu 300.000 đồng được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số: AA/2021/0000217 ngày 25/11/2022 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và anh T, Chia Hsin ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT-Huế;
- UBND tỉnh TT-Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hưng Bính